TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Văn học Đức (61GER4LIT)

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, ngày 27/04/2023

Số tín chỉ: 2
Phòng thi: 612,708,712C
CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		GHP [30%]	CC [10%]	Thi [60%]	Ghi chú
1	4LIT-21_01	1907050003	Đỗ Đức	**Anh**	5.5	9.5	5.0	
2	4LIT-21_02	2107050004	Đỗ Phương	**Anh**	3.5	9.5	7.0	
3	4LIT-21_03	2107050007	Nguyễn Phương	**Anh**	10.0	9.5	9.5	
4	4LIT-21_04	1807050015	Nguyễn Thị Phương	**Anh**	9.0	8.5	5.0	
5	4LIT-21_05	2107050013	Phạm Thị Châm	**Anh**	2.5	9.5	2.0	
6	4LIT-21_06	2107050014	Vũ Ngọc	**Anh**	8.0	9.0	5.0	
7	4LIT-21_07	2007050018	Trần Ngọc	**Ánh**	5.5	9.5	7.5	
8	4LIT-21_08	2107050016	Đoàn Trọng	**Bình**	9.5	10.0	8.5	
9	4LIT-21_09	2107050018	Nguyễn Quỳnh	**Chi**	4.8	9.5	5.0	
10	4LIT-21_10	2107050019	Nguyễn Thị Linh	**Chi**	9.5	10.0	9.8	
11	4LIT-21_11	2107050022	Phạm Thị Hoàng	**Diệu**	4.0	9.5	3.0	
12	4LIT-21_12	2207050019	Nguyễn Viết Đình	**Duy**	10.0	10.0	10.0	
13	4LIT-21_13	1907050039	Phạm Thị Khánh	**Duyên**	6.0	8.5	6.3	
14	4LIT-21_14	2107050024	Lê Thị Thùy	**Dương**	4.0	9.5	6.0	
15	4LIT-21_15	2007050031	Nguyễn Thùy	**Dương**	9.5	9.0	1.8	
16	4LIT-21_16	2107050028	Nguyễn Viết	**Dương**	1.5	9.0	3.5	
17	4LIT-21_17	1907050042	Trần Thùy	**Dương**	4.5	7.5	3.3	
18	4LIT-21_18	1807050047	Nguyễn Xuân	**Đức**	8.5	9.0	6.3	
19	4LIT-21_19	2007050032	Nguyễn Thị Hải	**Đường**	9.5	9.5	8.5	
20	4LIT-21_20	2107050030	Nguyễn Thị	**Giang**	7.0	9.5	6.5	
21	4LIT-21_21	2007050040	Chu Thị	**Hà**	7.5	8.5	5.0	
22	4LIT-21_22	2107050033	Kim Thanh	**Hải**	2.8	9.5	0.0	
23	4LIT-21_23	2107050038	Ngô Thanh	**Hiền**	5.0	9.5	3.3	
24	4LIT-21_24	2007050053	Nguyễn Như	**Hiển**	6.5	9.5	7.0	
25	4LIT-21_25	2107050043	Triệu Thị	**Hòa**	5.0	10.0	8.0	
26	4LIT-21_26	2107050047	Ngô Quang	**Huy**	10.0	10.0	9.5	
27	4LIT-21_27	2107050049	Nguyễn Khánh	**Huyền**	1.8	8.0	1.0	
28	4LIT-21_28	2007050065	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	4.0	9.0	5.3	
29		2007050061	Ngô Thảo	**Hương**	2.0	9.5	6.0	MT: HA
30	4LIT-21_29	1907050064	Vũ Kim	**Khánh**	3.5	8.5	0.0	
31	4LIT-21_30	1807050068	Nguyễn Hoàng	**Lan**	5.0	9.0	5.3	
32	4LIT-21_31	2107050054	Lê Vũ Phương	**Linh**	3.0	9.0	2.8	
33	4LIT-21_32	2107050055	Ngô Khánh	**Linh**	9.5	9.5	5.3	
34	4LIT-21_33	2107050057	Nguyễn Đỗ Hoài	**Linh**	5.0	9.5	3.5	
35	4LIT-21_34	2107050058	Nguyễn Thị Kiều	**Linh**	7.5	9.5	4.5	
36		2207050072	Lê Thị Ngọc	**Mai**	10.0	10.0	9.2	MT: HA
37	4LIT-21_35	2107050071	Trịnh Ngọc Quỳnh	**Mai**	5.0	9.5	2.5	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		GHP [30%]	CC [10%]	Thi [60%]	Ghi chú
38	4LIT-21_36	2107050072	Nguyễn Tuệ	**Minh**	5.0	9.0	4.3	
39	4LIT-21_37	2107050074	Hứa Thảo	**My**	4.0	9.5	7.0	
40	4LIT-21_38	2107050078	Nguyễn Thị Thúy	**Nga**	10.0	9.5	5.0	
41	4LIT-21_39	2007050095	Nguyễn Thị Thùy	**Ngân**	5.0	9.5	8.3	
42	4LIT-21_40	2107050084	Phạm Thị Linh	**Ngọc**	7.0	9.5	4.0	
43	4LIT-21_41	2107050085	Đỗ Thảo	**Nguyên**	10.0	9.5	9.5	
44	4LIT-21_42	2107050087	Nguyễn Yến	**Nhi**	8.0	9.5	8.5	
45	4LIT-21_43	2107050089	Tạ Đào Phương	**Nhi**	10.0	10.0	9.5	
46	4LIT-21_44	2107050093	Đỗ Thị Kim	**Oanh**	9.0	9.0	3.5	
47	4LIT-21_45	2007050115	Phạm Thị	**Phương**	8.8	9.5	6.8	
48	4LIT-21_46	2107050096	Trịnh Thị	**Phương**	1.0	9.5	5.0	
49	4LIT-21_47	2107050097	Đỗ Thị Thanh	**Phượng**	6.5	9.5	5.3	
50	4LIT-21_48	2007050120	Nguyễn Hồng	**Quyên**	4.5	9.5	4.0	
51	4LIT-21_49	2107050098	Trần Thị Ngọc	**Quyên**	5.0	8.0	5.5	
52	4LIT-21_50	2007050122	Vũ Như	**Quỳnh**	4.3	8.0	4.5	
53	4LIT-21_51	2107050103	Đỗ Minh	**Tâm**	10.0	10.0	8.5	
54	4LIT-21_52	2107050104	Lê Thanh	**Tâm**	8.0	10.0	7.3	
55	4LIT-21_53	1907050124	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	3.5	9.0	2.0	
56	4LIT-21_54	2107050106	Đỗ Ngọc	**Thạch**	8.5	8.0	9.8	
57		2107050108	Lương Quang	**Thành**	5.5	8.0	HT	HT phẫu thuật
58	4LIT-21_55	2107050109	Đoàn Hương	**Thảo**	3.5	8.0	1.5	
59		2107050116	Nguyễn Hương	**Thảo**	5.5	9.5	8.2	MT: HA
60	4LIT-21_56	2107050112	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	7.5	9.5	7.8	
61	4LIT-21_57	2107050114	Trần Thị	**Thảo**	9.5	9.5	8.5	
62	4LIT-21_58	2007050142	Nguyễn Ngọc	**Thủy**	0.0	8.5	7.5	
63	4LIT-21_59	1907050137	Trần Thị Vương	**Thúy**	2.3	8.0	0.5	
64	4LIT-21_60	2107050118	Vũ Nguyễn Linh	**Thư**	5.5	9.5	7.0	
65	4LIT-21_61	2007050144	Kiều Thu	**Trà**	5.5	9.5	5.5	
66	4LIT-21_62	2007050146	Hoàng Thị	**Trang**	9.5	9.5	5.8	
67	4LIT-21_63	2107050124	Lê Phương	**Trang**	6.0	8.5	4.3	
68	4LIT-21_64	2107050128	Nguyễn Thị	**Trang**	6.0	10.0	6.5	
69	4LIT-21_65	2107050132	Trần Thị Mai	**Trinh**	9.0	9.5	8.8	
70		1907050144	Đỗ Khánh	**Vân**	6.0	9.5	8.0	MT: HA
71		2107050136	Lã Vũ Hồng	**Vân**	10.0	9.5	8.2	MT: HA
72	4LIT-21_144	1907050148	Trương Thành	**Việt**	4.0	7.5	4.0	
73	4LIT-21_66	1907050149	Đinh Quang	**Vinh**	5.0	8.5	5.8	
74	4LIT-21_67	2107050002	Đào Tuấn	**Anh**	8.0	9.5	6.3	
75	4LIT-21_68	2107050006	Hà Phương	**Anh**	4.5	9.5	1.5	
76	4LIT-21_69	2007050004	HoàNg Mai	**Anh**	1.5	9.5	0.0	
77	4LIT-21_70	2107050008	Nguyễn Phương	**Anh**	1.0	9.0	0.0	
78	4LIT-21_71	2107050010	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	10.0	10.0	9.5	
79	4LIT-21_72	2107050011	Nguyễn Thị Tú	**Anh**	1.5	8.5	VT	
80	4LIT-21_73	2107050012	Phạm Ngọc	**Anh**	3.5	9.0	3.5	
81	4LIT-21_74	2107050015	Tạ Quang	**Anh**	2.0	9.0	5.3	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		GHP [30%]	CC [10%]	Thi [60%]	Ghi chú
82	4LIT-21_75	2107050020	Vũ Thị	**Chi**	10.0	9.5	9.0	
83	4LIT-21_76	2007050026	Nguyễn Bùi Hoàng	**Diệp**	2.3	8.5	2.0	
84	4LIT-21_77	2107050023	Phạm Thị Thùy	**Dung**	0.0	8.5	VT	
85	4LIT-21_78	2107050027	Trần Hoàng	**Dương**	9.0	9.5	7.8	
86	4LIT-21_79	2107050021	Vũ Thị	**Đào**	4.5	9.5	6.5	
87	4LIT-21_80	2107050029	Lê Thị Hương	**Giang**	2.5	9.5	1.5	
88	4LIT-21_81	2007050037	Nguyễn Hương	**Giang**	4.8	8.0	5.0	
89	4LIT-21_82	1907050048	Phạm Thị	**Giang**	5.5	8.5	8.0	
90	4LIT-21_83	2007050039	Trần Minh	**Giang**	6.0	9.0	3.5	
91	4LIT-21_84	2107050032	Nguyễn Thu	**Hà**	5.0	8.0	7.0	
92	4LIT-21_85	2007050047	Nguyễn Sơn	**Hải**	6.5	8.0	0.5	
93	4LIT-21_86	2107050034	Hoàng Thị	**Hằng**	2.0	9.5	3.5	
94	4LIT-21_87	2107050037	Nguyễn Thị	**Hậu**	9.0	9.5	10.0	
95	4LIT-21_88	2007050051	Trịnh Thu	**Hiền**	5.0	9.5	4.5	
96	4LIT-21_89	2107050040	Nguyễn Trần Minh	**Hiếu**	2.5	9.5	5.5	
97	4LIT-21_90	2107050041	Bùi Phương	**Hoa**	6.5	10.0	7.8	
98	4LIT-21_91	2107050042	Trần Thị Thanh	**Hoa**	3.5	9.0	0.0	
99	4LIT-21_92	2107050044	Đào Minh	**Hùng**	8.5	10.0	8.5	
100		2107050048	Lê Đức	**Huy**	0.0	0.0	CT	CT, nghỉ 7b, nợ học phí
101	4LIT-21_93	2107050050	Nguyễn Thị Khánh	**Huyền**	5.5	10.0	2.8	
102	4LIT-21_94	2107050045	Đoàn Diệu	**Hương**	4.0	8.5	5.0	
103	4LIT-21_95	2107050051	Nguyễn Viết Gia	**Khánh**	10.0	10.0	10.0	
104	4LIT-21_96	2107050052	Bùi Khánh	**Linh**	10.0	10.0	10.0	
105	4LIT-21_97	2007050071	Lê Phương	**Linh**	5.0	9.0	6.3	
106	4LIT-21_98	2107050053	Lê Phương	**Linh**	5.5	9.5	8.5	
107	4LIT-21_99	2107050056	Nguyễn Ái	**Linh**	10.0	9.0	9.5	
108	4LIT-21_100	2007050074	Nguyễn Thị Mai	**Linh**	6.0	9.5	7.5	
109	4LIT-21_101	2107050064	Nguyễn Thị Thùy	**Linh**	9.5	10.0	10.0	
110	4LIT-21_102	2107050059	Nguyễn Thùy	**Linh**	7.5	10.0	8.0	
111		2107050065	Nhữ Nhật	**Linh**	RT	RT	RT	Rút học phần nhập RT
112	4LIT-21_103	2107050062	Trịnh Thị Đan	**Linh**	4.5	9.0	5.5	
113	4LIT-21_104	2107050063	Trịnh Thị Ngọc	**Linh**	7.5	9.5	5.5	
114	4LIT-21_105	2007050078	Vũ Thị Phương	**Linh**	5.5	9.0	5.0	
115	4LIT-21_106	2007050082	Nguyễn Thị Khánh	**Ly**	9.5	9.5	5.3	
116	4LIT-21_107	1907050087	Nguyễn Thoại	**Ly**	7.5	9.0	5.5	
117	4LIT-21_108	2107050067	Nguyễn Thị Ngọc	**Mai**	4.0	9.5	5.0	
118	4LIT-21_109	2107050069	Nguyễn Thị Thanh	**Mai**	10.0	10.0	9.3	
119	4LIT-21_110	2107050070	Phạm Quỳnh	**Mai**	9.0	10.0	6.8	
120	4LIT-21_111	2107050073	Đặng Thị Trà	**My**	9.0	9.5	6.5	
121	4LIT-21_112	2107050075	Lê Huyền	**My**	4.0	9.0	2.8	
122	4LIT-21_113	2107050081	Vũ Khánh	**Ngân**	7.0	9.5	9.8	
123	4LIT-21_114	2107050082	Vũ Thị Kim	**Ngân**	10.0	9.5	5.0	
124	4LIT-21_115	2007050102	Nguyễn Huyền	**Ngọc**	8.0	9.5	5.3	
125	4LIT-21_116	2107050086	Hoàng Thu	**Nguyệt**	7.5	9.5	9.5	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		GHP [30%]	CC [10%]	Thi [60%]	Ghi chú
126	4LIT-21_117	2107050088	Phạm Thị Linh	**Nhi**	3.5	8.0	2.3	
127	4LIT-21_118	2107050091	Hà Phong	**Như**	10.0	10.0	9.5	
128	4LIT-21_119	2107050094	Nguyễn Phương	**Oanh**	9.0	9.5	5.5	
129	4LIT-21_120	1907050115	Trần Ngân	**Phương**	4.0	8.5	1.8	
130	4LIT-21_121	2107050099	Nguyễn Thu	**Quỳnh**	8.5	9.5	7.0	
131	4LIT-21_122	2107050100	Tạ Đỗ Như	**Quỳnh**	6.0	9.5	5.0	
132	4LIT-21_123	2107050101	Hoàng Hải Hà	**Sinh**	7.5	9.5	5.0	
133	4LIT-21_124	2107050102	Phạm Thị Khánh	**Son**	9.0	9.5	5.3	
134	4LIT-21_125	2107050105	Nguyễn Thị	**Tâm**	9.0	9.0	6.8	
135	4LIT-21_126	2107050107	Nguyễn Thị	**Thanh**	10.0	10.0	9.0	
136		2007050131	Bùi Phương	**Thảo**	6.5	9.0	7.3	MT: HA
137	4LIT-21_127	2107050110	Hoàng Bích	**Thảo**	10.0	9.0	6.0	
138	4LIT-21_128	2107050111	Nguyễn Phương	**Thảo**	10.0	9.5	8.5	
139	4LIT-21_129	2007050134	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	7.5	9.5	6.3	
140	4LIT-21_130	2007050135	Phan Thị Thanh	**Thảo**	5.0	7.0	5.5	
141	4LIT-21_131	2107050113	Trần Thị Phương	**Thảo**	9.0	9.5	8.8	
142		2107050117	Phạm Đức	**Thịnh**	7.8	10.0	5.3	MT: HA
143	4LIT-21_132	2107050119	Trần Thị Hiền	**Thục**	6.0	9.5	6.3	
144	4LIT-21_133	2007050141	Bùi Thanh	**Thủy**	6.5	9.0	7.5	
145		2107050121	Hoàng Thị Thu	**Thủy**	0.0	0.0	CT	CT nghỉ 3b
146	4LIT-21_134	2107050123	Dương Gia	**Trang**	8.5	9.0	2.0	
147	4LIT-21_135	2107050125	Lê Thị Huyền	**Trang**	9.0	9.0	3.8	
148	4LIT-21_136	2107050126	Lương Thị Thu	**Trang**	5.0	9.5	6.5	
149	4LIT-21_137	2107050127	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	6.5	9.5	6.3	
150	4LIT-21_138	2107050129	Nguyễn Thuỳ	**Trang**	9.5	9.5	5.5	
151	4LIT-21_139	2107050130	Tô Thùy	**Trang**	4.5	9.5	1.5	
152	4LIT-21_140	2107050131	Dương Thị Lan	**Trinh**	7.0	10.0	5.5	
153	4LIT-21_141	2107050133	Vũ Kiều	**Trinh**	10.0	10.0	9.3	
154	4LIT-21_142	2107050134	Lê Duy	**Tùng**	8.5	8.0	5.8	
155	4LIT-21_143	2007050153	Nguyễn Thị	**Yến**	8.5	9.5	6.0	

Hà Nội, ngày 15.05.2023

Người lập bảng

Khoa tiếng Đức